TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 06 - 2021
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.

2. Ông Huỳnh Cao Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 06 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25 /2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 18/05/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh V, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.
- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Xóm Y, thôn L, xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.
Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Minh V, trình bày:

Vào năm 2001, chị V kết hôn với anh Phan Văn D và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/11/2001. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh D là người vô tâm, không chăm lo làm ăn, để một mình chị V gánh vác mọi trách nhiệm đối với con cái và gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Hiện hai vợ chồng chị V và anh D đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Năm 2017, chị V có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phan Văn D, nhưng vì con cái nên khi được sự hòa giải của Tòa chị V đã rút đơn khởi kiện và cho anh D cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nhưng anh D vẫn không thay đổi. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn D.

Về con chung: Chị V trình bày chị và anh D có 02 con chung tên là cháu Phan Mỹ Đ, sinh ngày 26/03/2002 và cháu Phan Quỳnh Nh, sinh ngày 09/05/2009. Hiện nay cháu Đ và cháu Nh đang sống chung với chị V. Cháu Đ đã thành niên nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh. Tại bản trình bày ngày 10/01/2021 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ chị V thay đổi yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con Phan Quỳnh Nh từ 3.000.000 đồng mỗi tháng thành không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trình bày, ý kiến của anh Phan Văn D:* Bị đơn anh Phan Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 01/02/2021 về điều kiện sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị V và anh D:* Đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã M, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Minh V và anh Phan Văn D vì Hội không nghe chị V hay anh D báo với Hội phụ nữ xã về mâu thuẫn hay có đơn thư nhờ Hội phụ nữ can thiệp cũng như Chi hội phụ nữ thôn L báo nên về trường hợp này phía địa phương không rõ.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống

đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý do. Vì vậy, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh V. Đối với con chung là cháu Phan Mỹ Đ, sinh ngày 26/03/2002 và cháu Phan Quỳnh Nh, sinh ngày 09/05/2009. Hiện nay cháu Đ và cháu Nh đang sống chung với chị V. Cháu Đ đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nh cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung chị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phan Văn D hiện tại có chỗ ở tại huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Phan Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 32/2020/ TLST-HNGĐ, ngày 06/11/2020; Thông báo thu thập được tài liệu, chứng cứ 21/TB-TA ngày 02/02/2021; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 22 /TB-TA ngày 05/02/2021; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 28/TB-TA ngày 08/02/2021; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 33/TB-TA ngày 25/02/2021; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số: 116/2021/QĐST-DS ngày 05/03/2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 26/04/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 18/05/2021, nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn D và chị Phạm Thị Minh V là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh V và anh Phan Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa

chị V và anh D là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị V và anh D có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh D không có trách nhiệm với vợ con. Hiện chị V và anh D đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị V và anh D đoàn tụ, nhưng anh D không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh D không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị V là quan hệ tình cảm vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Minh V, cho chị Phạm Thị Minh V được ly hôn với anh Phan Văn D là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh D có 02 con chung là cháu Phan Mỹ Đ, sinh ngày 26/03/2002 và cháu Phan Quỳnh Nh, sinh ngày 09/05/2009. Chá Đ đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nh hiện đang được chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; theo nguyện vọng của cháu Nh, khi chị V và anh D ly hôn, cháu Nh yêu cầu được sống với chị V và chị V cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh còn anh D không có lời khai nên không xác định được ý kiến của anh D có yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Nh hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu Nh, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Minh V, giao cháu Nh cho chị Phạm Thị Minh V tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: chị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Dvắng mặt nên không có ý kiến.

Về nợ chung: Chị V trình bày không có, anh D vắng mặt nên không có ý kiến.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Minh V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Minh V; chị Phạm Thị Minh V được ly hôn với anh Phan Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phan Quỳnh Nh, sinh ngày 09/05/2009 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Văn D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị V và anh D có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005632 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Minh V và anh Phan Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã N, huyện TN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa